

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5409** /UBND-KTTH  
V/v đăng ký bổ sung  
và điều chỉnh nội dung  
trình HĐND tỉnh tại kỳ  
họp chuyên đề tháng 11  
và kỳ họp thường lệ  
cuối năm 2022

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Ngày 14/10/2022, UBND tỉnh đã đăng ký với Thường trực HĐND tỉnh 02 nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 11. Tuy nhiên, qua rà soát và xem xét đề nghị của các sở, ngành, UBND tỉnh đăng ký bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp chuyên đề tháng 11 và kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 như sau:

1. Tại kỳ họp chuyên đề tháng 11, gồm: 5 nghị quyết
2. Tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2022, gồm: 28 nghị quyết và các báo cáo thường kỳ

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Công văn này thay thế Công văn số 5258/UBND-KTTH ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHanh477.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**



PHỤ LỤC

**Danh mục nội dung đăng ký trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 11 (chuyên đề)  
và kỳ họp thường lệ cuối năm 2022**  
(Kèm theo Công văn số 5409/UBND-KTTH ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh)



| TT        | Tên nội dung   | Sở, ngành chủ trì xd dự thảo | Ghi chú | PNgC    |
|-----------|--|------------------------------|---------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Đăng ký tại kỳ họp chuyên đề (dự kiến tháng 11)</b>   |                              |         |         |
| 1         | Nghị quyết bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương để lập Quy hoạch phân khu I.1 tại khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (từ nguồn kinh phí tài trợ quy hoạch)   | Sở Tài chính                 |         | KTTH    |
| 2         | Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.   | Sở Tài chính                 |         | KTN, VX |
| 3         | Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương (theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án tại địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch) | Sở KHĐT                      |         | KTTH    |
| 4         | Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.                               | Sở NNPTNT                    |         | VX      |
| 5         | Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Cụm công nghiệp An Sơn - Đức Lân, huyện Mộ Đức.  | Sở NNPTNT                    |         | KTN     |
| <b>II</b> | <b>Đăng ký tại kỳ họp thường lệ cuối năm</b>   |                              |         |         |
| <b>1</b>  | <b>Các Nghị quyết</b>  |                              |         |         |
| 1.1       | Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi  | Sở GDĐT                      |         | VX      |
| 1.2       | Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa phổ thông trên địa bàn tỉnh  | Sở GDĐT                      |         | VX      |
| 1.3       | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi   | Sở GDĐT                      |         | VX      |
| 1.4       | Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.   | Sở KHĐT                      |         | KTTH    |
| 1.5       | Nghị quyết về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023.  | Sở KHĐT                      |         | KTTH    |
| 1.6       | Nghị quyết về giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 các Chương trình mục tiêu quốc gia: (1) Giảm nghèo bền vững; (2) Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (3) Xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác.   | Sở KHĐT                      |         | KTN, VX |
| 1.7       | Nghị quyết thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau khi có kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định - Bộ Kế hoạch và Đầu tư).   | Sở KHĐT                      |         | KTTH    |
| 1.8       | Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn KKT Dung Quất;  | Sở KHĐT                      |         | KTN     |
| 1.9       | Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ trên lâm phần Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi quản lý, giai đoạn 2021-2025;   | Sở KHĐT                      |         | KTN     |
| 1.10      | Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất sạch tại vị trí dọc sông Trà Khúc, xã Tịnh Long;  | Sở KHĐT                      |         | KTN     |

| TT   | Tên nội dung   | Sở, ngành chủ trì xd dự thảo | Ghi chú | PNgC          |
|------|--|------------------------------|---------|---------------|
| 1.11 | Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư An Phú (đảo Ngọc).  | Sở KHĐT                      |         | KTN           |
| 1.12 | Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - bến Tam Thương).  | Sở KHĐT                      |         | KTN           |
| 1.13 | Nghị quyết Phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.  | Sở NNPTNT                    |         | KTTH          |
| 1.14 | Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh ban hành khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh   | Sở NNPTNT                    |         | KTN           |
| 1.15 | Nghị quyết về việc giao biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;  | Sở Nội vụ                    |         | NC            |
| 1.16 | Nghị quyết phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;           | Sở Nội vụ                    |         | NC            |
| 1.17 | Nghị quyết phê duyệt số lượng người làm việc trong các hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh để làm cơ sở cấp kinh phí hoạt động năm 2023.   | Sở Nội vụ                    |         | NC            |
| 1.18 | Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2021.   | Sở Tài chính                 |         | KTTH          |
| 1.19 | Nghị quyết về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.  | Sở Tài chính                 |         | KTTH          |
| 1.20 | Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước   | Sở Tài chính                 |         | KTTH, VX, KTN |
| 1.21 | Nghị quyết Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương áp dụng từ năm 2023 và những năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới.             | Sở Tài chính                 |         | KTTH          |
| 1.22 | Nghị quyết thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh   | Sở TNMT                      |         | KTN           |
| 1.23 | Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi). | Sở Tư pháp                   |         | NC            |
| 1.24 | Nghị quyết về đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Mộ Đức   | Sở VHTTDL                    |         | VX            |
| 1.25 | Chương trình Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050   | Sở Xây dựng                  |         | KTN           |
| 1.26 | Nghị quyết Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi   | Sở Xây dựng                  |         | VX            |
| 1.27 | Nghị quyết quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh,  | Sở Y tế                      |         | VX            |
| 1.28 | Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi  | VP UBND tỉnh                 |         | TTHC          |
| 2    | <b>Các Báo cáo</b>   |                              |         |               |
| 2.1  | Báo cáo tình hình công tác năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.  | VP UBND tỉnh                 |         | KTTH          |
| 2.2  | Về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.  | Sở Kế hoạch và Đầu tư        |         | KTTH          |
| 2.3  | Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.   | Sở Kế hoạch và Đầu tư        |         | KTTH          |

| TT   | Tên nội dung  | Sở, ngành<br>chủ trì xd<br>dự thảo | Ghi chú | PNgC                   |
|------|---|------------------------------------|---------|------------------------|
| 2.4  | Báo cáo các nội dung điều hành kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 thuộc thẩm quyền UBND tỉnh.  | Sở Kế hoạch và Đầu tư              |         | KTTH                   |
| 2.5  | Về tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.  | Sở Tài chính                       |         | KTTH                   |
| 2.6  | Báo cáo tình hình tạm ứng, ứng trước ngân sách đến thời điểm 31/12/2022.  | Sở Tài chính                       |         | KTTH                   |
| 2.7  | Về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023 (bao gồm tình hình trật tự an toàn giao thông) | Công an tỉnh                       |         | NC                     |
| 2.8  | Về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.   | Thanh tra tỉnh                     |         | NC                     |
| 2.9  | Về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2020, nhiệm vụ năm 2021.   | Thanh tra tỉnh                     |         | NC                     |
| 2.10 | Về kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.   | VP UBND<br>tỉnh<br>tổng hợp        |         | KTTH                   |
| 2.11 | Về kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực và các Ban HĐND tỉnh.  | VP UBND<br>tỉnh<br>tổng hợp        |         | các<br>phòng<br>Ng/cứu |
| 2.12 | Về kết quả giải quyết các ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 8.  | VP UBND<br>tỉnh<br>tổng hợp        |         | các<br>phòng<br>Ng/cứu |